

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 28-10-2019
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hiền

2. Ông Nguyễn Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký tòa án.

Vào ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 205/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Bá T, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Hà Nam

Chỗ ở: Tổ A, khu phố B, phường C, thị xã D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1997 (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã E, huyện O, tỉnh Đồng Nai

Chỗ ở: Tổ A, khu phố B, phường C, thị xã D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Bá T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Lê Thị H sau một thời gian tìm hiểu, đã tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện O, tỉnh Đồng Nai vào ngày 19 tháng 9 năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng ông chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo ông T nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sống, bà H không hỗ trợ kinh tế gia đình phát triển. Mặc dù ông T đã nhiều lần khuyên

nhủ và tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Vợ chồng ông ly thân với nhau từ đầu tháng 12 năm 2018 cho đến nay.

Trong thời gian ly thân vợ chồng có hàn gắn mâu thuẫn nhưng không được. Nay ông T nhận thấy mục đích hôn nhân giữa ông T và bà H không đạt được nên ông đã làm đơn khởi kiện để yêu cầu những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Ông T yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị H.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Bá Huy B, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2015. Khi ly hôn ông T đồng ý giao con chung cho bà H nuôi đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị, giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 05 tháng 9 năm 2019 bà Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông T vì trong quá trình chung sống vợ chồng gặp nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Bá Huy B, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2015. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Trần Bá T thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn là bà Lê Thị H có địa chỉ tại thị xã Phú Mỹ; theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nay có tranh chấp nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn bà Lê Thị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Trần Bá T và bà Lê Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện O, tỉnh Đồng Nai vào ngày 19 tháng 9 năm 2015 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng ông T và H phát sinh mâu thuẫn là có thật, điều này thể hiện qua lời trình bày ông T và bà H đều cho rằng: Vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sống. Qua đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T và bà H.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là Trần Bá Huy B, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2015. Ông T và bà H thỏa thuận giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá T.

1. *Về hôn nhân:* Ông Trần Bá T được ly hôn với bà Lê Thị H.

2. *Về con chung:* Giao cháu Trần Bá Huy B, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2015 cho bà H trực tiếp nuôi tới tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Ông T được quyền tới thăm, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở ông T thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Ông Trần Bá T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008525 ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; ông T đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TX Phú Mỹ;
- Ủy ban nhân dân xã E, huyện O tỉnh Đồng Nai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hồng Thái